TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-ST
Ngày: 15/5/2019
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Dệt

2. Ông Đỗ Thanh Tuyến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Mộng T (tên gọi khác Phượng), sinh năm: 1978; Địa chỉ: ấp 3 (Phụng Ngoại), xã L, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Út A, sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp 1 (Xẻo Nhỏ), xã L, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 16/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Mộng T trình bày:

Do quan hệ quen biết với nhau nên ông Út A có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi, ông Út A tham gia chơi dây hụi cụ thể như sau:

Hụi ngày khui ngày 15/11/2016 âm lịch, hụi 300.000 đồng/15 ngày khui 01 lần, gồm 36 phần, đến ngày 15/8/2018 âm lịch hụi mãn, ông A tham gia chơi 2 phần và đã hốt hết 02 phần vào ngày 15/6/2017 âm lịch và ngày 30/6/2017 âm lịch (tháng 06 đầu).

Số tiền hụi mà ông A phải đóng là 22 đợt x 300.000 đồng/đợt x 2 phần = 13.200.000 đồng.

Tuy nhiên, từ khi hốt hụi đến nay, ông A chỉ đóng cho bà số tiền là 1.700.000 đồng, còn lại số tiền là 11.500.000 đồng thì ông A không đóng nữa nên vào ngày 15/01/2018, ông A ghi giấy nợ còn thiếu của bà số tiền là 6.100.000 đồng tiền hụi. Số tiền này chỉ tính đến ngày 15/01/2018. Sau đó, ông A không trả số tiền hụi chết này và tính đến ngày 03/5/2018, khi hụi sắp mãn thì ông A tiếp tục tính đến ngày mãn hụi ông A thiếu bà số tiền là 5.400.000 đồng nữa.

Tổng cộng số tiền nợ hụi mà ông A còn thiếu của bà là 11.500.000 đồng đến nay ông A không trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Út A có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi là 11.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà Mộng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Út A trả lại cho bà số tiền hụi mà ông Út A thiếu là 11.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông Út A vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26 tháng 4 năm 2019, ông Út A vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay và đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Út A vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Út A là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- *Nội dung vụ án:* Do có quen biết với nhau nên giữa bà Trần Mộng T và ông Nguyễn Út A có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc cùng tham gia chơi hụi do bà Mộng T làm chủ hụi. Ông Út A tham gia chơi hụi như sau:

Hụi ngày khui ngày 15/11/2016 âm lịch, hụi 300.000 đồng/15 ngày khui 01 lần, gồm 36 phần, đến ngày 15/8/2018 âm lịch hụi mãn, ông A tham gia chơi 2 phần và đã hốt hết 02 phần vào ngày 15/6/2017 âm lịch và ngày 30/6/2017 âm lịch (tháng 06 đầu).

Số tiền hụi mà ông A phải đóng là 22 đợt x 300.000 đồng/đợt x 2 phần = 13.200.000 đồng.

Ông A chỉ đóng cho bà T số tiền là 1.700.000 đồng, còn lại số tiền là 11.500.000 đồng thì ông A không đóng nữa.

Ngày 15/01/2018, ông A ghi giấy nợ, tính đến ngày 15/01/2018 ông A thiếu của bà T số tiền là 6.100.000 đồng. Sau đó, ông A không trả số tiền hụi chết này và tính đến ngày 03/5/2018, khi hụi sắp mãn thì ông A tiếp tục tính đến ngày mãn hụi ông A thiếu bà T số tiền là 5.400.000 đồng nữa.

Tổng cộng số tiền nợ hụi mà ông A còn thiếu của bà Mộng T là 11.500.000 đồng đến nay ông A không trả.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Mộng T và bà Út An cùng thực hiện việc giao kết chơi hụi với nhau, mặc dù không có giấy tờ hợp đồng cụ thể nhưng hai bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và thực hiện một thời gian dài. Trong thời gian hai bên tham gia chơi hụi, bà Mộng T làm chủ hụi, ông Út A tham gia chơi hụi và đóng hụi cho bà T. Tính đến thời gian hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, ông Út A còn thiếu tiền hụi của bà T và đồng ý ghi giấy nợ vào ngày 15/01/2018, ông Út A còn nợ của bà T số tiền là 6.100.000 đồng và ngày

03/5/2018, ông A còn thiếu bà T số tiền là 5.400.000 đồng. Tổng cộng hai lần ghi giấy nợ số tiền hụi ông A còn thiếu của bà T là 11.500.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi của bà Mộng T yêu cầu ông Út A phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hụi mà ông Út A còn thiếu của bà T là 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)* là có căn cứ vì theo giấy ghi nợ của ông Út A đối với bà T hai lần tổng cộng số tiền mà ông Út A còn thiếu bà T là 11.500.000 đồng. Bà T đòi nhiều lần nhưng ông A không trả lại số tiền cho bà T. Như vậy, ông Út A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Mộng T theo hợp đồng đã thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà Mộng T nên việc bà Mộng T khởi kiện yêu cầu ông Út A phải trả lại số tiền nợ hụi là 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)* là có cơ sở, xét yêu cầu của bà Mộng T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với ông Út A Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông Út A vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, ông Út A đương nhiên từ bỏ quyền lợi của mình tại tòa, Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của ông Út A được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất: Bà Mộng T không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Mộng T không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích trên, buộc ông Nguyễn Út A phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Mộng T số tiền nợ hụi là 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Út A có trách nhiệm phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 575.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

Do yêu cầu của bà Trần Mộng T được chấp nhận nên bà Mộng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Mộng T số tiền tạm ứng án phí bà Mộng T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000061 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Mộng T về việc yêu cầu ông Nguyễn Út A có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Mộng T số tiền nợ hụi là 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

[2]. Buộc ông Nguyễn Út A có trách nhiệm trả cho bà Trần Mộng T số tiền là 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Út A chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án

tuyên thì hàng tháng ông Út A còn phải trả cho bà Trần Mộng T số tiền lãi số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Út A có trách nhiệm phải chịu 575.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Hoàn lại cho bà Mộng T số tiền tạm ứng án phí bà Mộng T đã nộp là là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000061 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền